

NGÀNH NÔNG NGHIỆP CẦN TẬP TRUNG CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG

Văn phòng Chính phủ vừa ra Thông báo số 132/TB-VPCP nêu kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các khó khăn, vướng mắc và nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới.

Thông báo kết luận nêu rõ: Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn luôn đóng vai trò hết sức quan trọng, góp phần ổn định xã hội, ổn định tình hình đất nước, đặc biệt là trong những lúc kinh tế khó khăn, nông nghiệp khẳng định vai trò bệ đỡ cho nền kinh tế. Đồng thời, nông nghiệp, nông thôn góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những năm qua, đặc biệt là trong nhiệm kỳ 2016-2020, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đạt được nhiều thành tích, kết quả nổi bật: Bộ đã đổi mới tư duy, bám sát diễn biến tình hình để chủ động tham mưu, chỉ đạo sản xuất; tập trung làm tốt công tác xây dựng thể chế, đề xuất cấp thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành để góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và huy động nguồn lực cho phát triển; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới; hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đầu tư nâng cấp, từng bước hiện đại hóa; hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh từng bước được hoàn thiện, phù hợp hơn với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; chủ động thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Nhờ đó, giai đoạn 2016-2020 toàn bộ 15/15 chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu của ngành đều đạt và vượt mục tiêu đề ra, năm 2020 xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt trên 41,5 tỷ USD, xây dựng nông thôn mới đạt 62% về đích sớm trước 2 năm, thu nhập bình quân của người dân

nông thôn đạt 43 triệu đồng/người, tăng 1,92 lần so với đầu nhiệm kỳ. Những thành quả đạt được đó của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn góp phần làm cho diện mạo, cảnh quan, môi trường nông thôn được cải thiện rõ rệt, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng còn một số tồn tại, hạn chế, trong đó:

- Nông nghiệp phát triển chưa ổn định, bền vững, phụ thuộc vào thiên tai, thời tiết, thị trường tiêu thụ, trong khi thị trường xuất khẩu ngày càng khó khăn; dự báo cung cầu, thị trường còn hạn chế, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch chưa phát triển mạnh nên vẫn còn tình trạng được mùa mất giá, giải cứu nông sản.

- Sản xuất chủ yếu vẫn là kinh tế hộ, manh mún, nhỏ lẻ; quan hệ sản xuất đổi mới còn chậm, các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất hình thành chủ yếu là tự phát, hiệu quả chưa thực sự ổn định; kết nối liên vùng còn rời rạc, kết nối thị trường chưa thông suốt, chi phí logistics còn cao. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn nhiều khó khăn; một số cơ chế, chính sách chưa đi vào cuộc sống, chậm được sửa đổi, thiếu nguồn lực để thực hiện.

- Cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp chưa phổ biến, năng suất lao động, giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp còn thấp, thu nhập của người nông dân còn khoảng cách rất lớn so với khu vực đô thị, đời sống của phần lớn hộ nông dân còn khó khăn. Chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp chưa cao, công tác quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm các mặt hàng nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp còn bất cập,...

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Thống nhất các mục tiêu chủ yếu đến năm 2025 được nêu tại báo cáo của Bộ: Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành 2,5-3,0%/năm; tổng kim ngạch xuất khẩu từ 48-50 tỷ USD; tỷ lệ xã

đạt chuẩn nông thôn mới ít nhất 80%; thu nhập của cư dân nông thôn gấp 1,5 lần năm 2020; tỷ lệ che phủ rừng duy trì 42%, nâng cao chất lượng rừng. Đồng thời, cần sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng trên đất nông nghiệp và đẩy mạnh phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

2. Quan điểm, định hướng phát triển ngành nông nghiệp:

- Ba trụ cột chính của ngành là nông nghiệp, nông thôn và nông dân, trong đó người nông dân phải là trung tâm, là chủ thể, nông thôn là nền tảng, là cơ sở và nông nghiệp là động lực. Hoạt động phát triển nông nghiệp phải xoay quanh người nông dân nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, chất lượng sống cho người nông dân; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa nhà nước, xã hội và thị trường. Nông nghiệp - nông thôn - nông dân phải tiếp tục góp phần ổn định chính trị, xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tập trung chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp, từ chuỗi liên kết cung ứng nông sản sang liên kết giá trị ngành hàng, chuyển từ nền nông nghiệp sản lượng cao sang nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, trách nhiệm, bền vững, khởi tạo chuyển đổi số, chuyển từ phát triển đơn ngành sang tích hợp đa ngành, từ đơn giá trị sang tích hợp đa giá trị, từ hỗ trợ đầu vào sang vừa hỗ trợ đầu vào, vừa chú trọng hỗ trợ, kết nối đầu ra, quan tâm phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với chú trọng phát triển thị trường nội địa.

- Phát huy tinh thần tự lực tự cường, chọn lọc kế thừa, nhưng phải đổi mới sáng tạo để phát triển, không trông chờ ỷ lại, phải chủ động tiến công, linh hoạt sáng tạo để biến không thành có, biến khó thành dễ, biến không thể thành có thể. Lấy nguồn lực bên trong là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá cho phát triển.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền, đi đôi với đẩy mạnh kiểm tra, giám sát. Bộ cần làm tốt công tác quản lý nhà nước, tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách, xây dựng các công cụ quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển ngành thông qua hợp tác công tư (nghiên cứu các mô hình lãnh đạo công, quản trị tư, đầu tư tư, sử dụng công và đầu tư công, quản lý tư) trên cơ sở bảo đảm cân bằng, hài hòa hợp lý lợi ích và chia sẻ rủi ro giữa nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Tập trung nguồn lực cho ba đột phá chiến lược, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, làm đến đâu dứt điểm đến đó để mang lại hiệu quả.

- Khai thác, sử dụng, quản lý đúng quy định nhưng thực hiện phải linh hoạt, hiệu quả đất nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp; chú trọng hiệu quả khai thác trên đất.

3. Nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới

Thống nhất với các nhiệm vụ được đề cập tại báo cáo của Bộ, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động cần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, phát huy thành tích, khắc phục hạn chế để ngành nông nghiệp tiếp tục phát triển nhanh và bền vững. Đề nghị thời gian tới cần tập trung một số nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của ngành nông nghiệp và Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2021-2025. Quán triệt, tổ chức triển khai các Nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 45/NQ-CP của Chính phủ.

- Tập trung rà soát hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, có giải pháp cụ thể tháo gỡ những nút thắt về chính sách tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp hàng hóa và xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp mạnh mẽ đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, nguyên tắc là việc gì doanh nghiệp, người dân làm được, làm tốt hơn thì để doanh nghiệp, người dân làm, việc gì địa phương làm được và làm tốt hơn thì để địa phương làm, Bộ tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách huy động nguồn lực, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo 3 nhóm trực sản phẩm

chủ lực, theo các ngành, lĩnh vực và cơ cấu lại sản xuất theo vùng; đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để góp phần xóa đói giảm nghèo, làm giàu và thúc đẩy sản xuất lớn trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng.

- Tổ chức lại sản xuất, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả gắn với quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển mạnh mẽ, hợp lý, phù hợp hệ thống hợp tác xã, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tổng kết, sơ kết để xây dựng lý luận và thực tiễn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bám sát thực tiễn, nhu cầu thị trường, nhân rộng các mô hình hiệu quả cao, cách làm hay để góp phần điều chỉnh sản xuất phù hợp nhằm mang lại giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến, bảo quản, tăng tỷ trọng chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; phát triển các cụm liên kết sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, các hình thức hợp tác liên kết sản xuất, chế biến kết nối với hệ thống tiêu thụ trong nước và quốc tế.

- Đổi mới công tác khuyến nông, làm tốt dự báo cung cầu, thông tin về tình hình thị trường, kết nối giữa người sản xuất với tiêu dùng, tranh thủ lợi thế từ các FTAs, nhất là EVFTA, CPTPP để cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào một số thị trường, tháo gỡ rào cản để thâm nhập thị trường, coi trọng thị trường nội địa, đưa hàng hóa từ nông thôn về thành thị, xây dựng thương hiệu nông sản.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế từ biển, phát triển kinh tế biển, đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; quyết liệt thực hiện các biện pháp giải quyết dứt điểm các khuyến nghị của EC để gỡ "Thẻ vàng", ngăn chặn và xử lý nghiêm tâu cá khai thác trái phép ở nước ngoài; nghiên cứu, đề xuất trích lập Quỹ phát triển hạ tầng thủy sản để huy động được nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thủy sản.

- Phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề ở nông thôn để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đào nghề cho nông dân, chuyển dịch lao động nông nghiệp

sang công nghiệp, dịch vụ để từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị.

- Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế để phát triển nông nghiệp, nông thôn, đồng thời chủ động đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của quốc gia, bảo vệ hàng hóa nông sản Việt Nam.

- Hoàn thiện thủ tục, trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, gắn với phát triển kinh tế nông thôn, tạo điều kiện nâng cao đời sống, thu nhập của người dân, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của từng vùng miền, gắn với đô thị hóa, tránh làm theo phong trào, hình thức, lãng phí; xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung của Chương trình, tránh chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, đề án khác, tập trung ưu tiên hỗ trợ các xã, huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; khẩn trương rà soát kiểm kê rừng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp toàn quốc, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội phù hợp.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, chủ động chỉ đạo sản xuất và triển khai ứng phó thiên tai kịp thời, hiệu quả, không để bị động, bất ngờ, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; chủ trì, cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, triển khai thực hiện Dự án di dời dân cư tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất, lũ ống, lũ quét để bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản cho người dân.

- Làm tốt công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ, thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII), gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với trách nhiệm nêu gương, kiểm soát quyền lực; xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Trung ương, xóa bỏ tư duy bao cấp đối với các đơn vị sự nghiệp, nghiên cứu chuyển đổi thành trung

tâm cung ứng dịch vụ, tổ chức lại để có sự kết nối, không manh mún, chông chéo; xây dựng đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 26-NQ/TW; đặc biệt chú ý xây dựng người đứng đầu phải tiêu biểu, xứng đáng về đạo đức, năng lực, phẩm chất và uy tín.

- Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, đi

đôi với siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm các sai phạm; kịp thời động viên, khen thưởng những tấm gương tốt, những người làm việc hiệu quả, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám nói vì sự nghiệp chung, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo./.

TX (TH)

THẠCH THẮT, NĂNG SUẤT LÚA XUÂN ƯỚC ĐẠT 66 TẠ/HA



Vừa qua, Cục Thống kê thành phố Hà Nội phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thăm đồng, đánh giá năng suất lúa xuân tại huyện Thạch Thất.

Vụ Xuân năm 2021, toàn huyện Thạch Thất gieo cấy 4.129ha diện tích lúa, trong đó các giống lúa có diện tích gieo cấy lớn là: BC15 1.013 ha, TBR225 1.024 ha, các giống lúa thơm 623 ha; Nếp các loại 391 ha...

Với sự chỉ đạo quyết liệt của huyện, các đơn vị và phòng chuyên môn đã đưa ra nhiều giải pháp về kỹ thuật canh tác, giống, đồng thời làm tốt

công tác điều tra, dự tính, dự báo phòng trừ sâu bệnh, diệt chuột. Nhờ vậy, lúa xuân của huyện Thạch Thất đã sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất bình quân chung toàn huyện ước đạt 66,13 tạ/ha, tổng sản lượng đạt trên 27.300 tấn. Theo đó, huyện Thạch Thất là địa phương có năng suất lúa xuân năm 2021 cao nhất thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở báo cáo của huyện Thạch Thất và qua kiểm tra, đánh giá tình hình thực tế lúa xuân tại các cánh đồng trên địa bàn 2 xã Dị Nậu và Cần Kiệm, Đoàn công tác đồng tình với báo cáo của huyện Thạch Thất về cơ cấu trà lúa, giống lúa, ước năng suất lúa của địa phương. Đoàn công tác cũng đề nghị huyện Thạch Thất tiếp tục chỉ đạo thu hoạch nhanh gọn lúa xuân với phương châm "xanh nhà hơn già đồng"; làm tốt công tác chỉ đạo sản xuất lúa mùa, nhất là trà mùa sớm; chỉ đạo cơ quan liên quan điều tiết nước cho phù hợp; tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo xây dựng các mô hình, đề án trong sản xuất nông nghiệp và nhân rộng các mô hình đã đánh giá được hiệu quả nhằm tăng năng suất và thu nhập cho người nông dân./.

Nguyễn Văn

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH



Theo Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, tính đến trung tuần tháng 5, toàn thành phố đã gieo trồng được 85,1 nghìn ha lúa vụ Xuân, giảm 1.831 ha so với vụ Xuân năm trước. Hiện lúa vụ Xuân đang bước vào giai đoạn trổ và chín, một số diện tích lúa đã cho thu hoạch. Sản xuất lúa vụ Xuân năm nay nhìn chung thuận lợi, sâu bệnh gây hại ở mức độ nhẹ và phạm vi nhỏ hơn so với cùng kỳ nên dự báo năng suất lúa năm nay sẽ khá quan hơn so với vụ Xuân năm 2020.

Tính chung vụ Đông xuân năm nay, thành phố đã gieo trồng được 133,4 nghìn ha cây hàng năm, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lúa đạt 85,1 nghìn ha, giảm 2,1%; ngô 9.779 ha, giảm 5,4%; khoai lang 1.376 ha, giảm 18,4%; đậu tương 1.502 ha, giảm 27,5%; lạc 1.784 ha, giảm 0,5%; rau 23,3 nghìn ha, tăng 1%; đậu 258 ha, giảm 22,8%.

Về chăn nuôi, chăn nuôi trâu, bò trong tháng 5 tương đối ổn định, bệnh viêm da nổi cục chỉ còn xuất hiện ở 1 hộ chăn nuôi trên địa bàn. Đàn trâu hiện có 26,8 nghìn con, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 130,3 nghìn con, tăng 0,6%.

Trong tháng, dịch tả lợn châu Phi cơ bản được kiểm soát, nhưng vẫn còn xảy ra cục bộ tại một số hộ chăn nuôi. Đàn lợn hiện có 1,33 triệu con, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 5 tháng đầu năm ước đạt 90,7 nghìn tấn, tăng 4,4%. Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, bệnh cúm gia cầm A/H5N6 đã được

kiểm soát, không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Đàn gia cầm hiện có 39,2 triệu con, tăng 3,2% so với cùng kỳ, trong đó đàn gà 26,5 triệu con, tăng 0,8%. Sản lượng thịt gia cầm 5 tháng đầu năm ước tính đạt 67,9 nghìn tấn, tăng 7,8%; sản lượng trứng gia cầm đạt 1.056 triệu quả, tăng 8,9%.

Về sản xuất lâm nghiệp, số cây lâm nghiệp trồng phân tán trong tháng ước tính đạt 103 nghìn cây, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm, số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 512 nghìn cây, tăng 2%; diện tích rừng trồng mới được chăm sóc đạt 875 ha, giảm 0,3%; diện tích rừng được khoán bảo vệ đạt 4.415 ha, giảm 1,5%...

Sản lượng thủy sản tháng 5 ước tính đạt 8.682 tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 42,1 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước./.

NT (TH)

HÀNG CHỤC ĐIỂM TIÊU THỤ NÔNG SẢN AN TOÀN PHÒNG DỊCH COVID-19 SẴP ĐƯỢC XÂY DỰNG TẠI HÀ NỘI



Bộ Nông nghiệp & PTNT đang phối hợp xây dựng khoảng 10 điểm tiêu thụ nông sản an toàn phòng dịch Covid-19 tại Hà Nội và khoảng 10 điểm ở các tỉnh, thành khác. Các điểm tiêu thụ nông sản mùa dịch đều được trang bị hệ thống sát khuẩn, bàn đo thân nhiệt; được bố trí khu vực xếp hàng đảm bảo khoảng cách an toàn và quầy thanh toán.

Mô hình tiêu thụ nông sản mùa dịch để thúc

đẩy tiêu thụ nông sản bị ùn ứ tại các địa phương bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 với phương thức tiêu thụ là bán trực tiếp và bán thông qua hệ thống thương mại điện tử giao hàng tận nhà khách hàng. Phương thức vận hành của mô hình được Bộ Nông nghiệp & PTNT đề xuất là nông sản tại vùng dịch sẽ được thu hoạch, sơ chế, đóng gói với sự chịu trách nhiệm của Sở Nông nghiệp & PTNT hỗ trợ nông dân trước khi đưa ra tiêu thụ.

Trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp & PTNT sẽ làm việc với 9 doanh nghiệp bán lẻ để xem xét thành lập Hiệp hội tiếp thị nông sản Việt Nam. Bộ sẽ phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về cung, trong đó bao gồm sản lượng, chất lượng, thời điểm thu hoạch, truy xuất nguồn gốc thường xuyên để cho các trung tâm bán lẻ, phân phối lớn xử lý dữ liệu và có kế hoạch kết nối chủ động hơn./.

NT (Theo KTĐT)

QUY TRÌNH SỬ DỤNG PHÂN BÓN HỮU CƠ PHỐI HỢP PHÂN VÔ CƠ CHO SẢN XUẤT RAU AN TOÀN Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Quy trình được áp dụng đối với các loại rau chính (cà chua, dưa chuột, rau muống, mồng tơi, cải bắp, củ cải) và các loại rau có đặc điểm nông sinh học tương tự ở các vùng trồng rau an toàn có phân hữu cơ hoặc có phụ phẩm trồng trọt, chất thải chăn nuôi và có chế phẩm sinh học.

a) Kỹ thuật bón phân cho sản xuất cà chua an toàn

* Loại phân và liều lượng bón

- Trường hợp sử dụng phân hữu cơ thay thế 25% phân vô cơ kết hợp với 75% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng phân bón cho 1 ha:

+ Phân hữu cơ: 1,5 - 2 tấn phân hữu cơ và 3 - 5 tấn phân chuồng ủ hoặc 2,5 - 3,5 tấn phân hữu cơ.

+ Phân NPK: 400 - 600 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 140 - 150 kg urê, 185 - 220 kg supe lân và 140 - 150 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 65 - 70 kg N, 30 - 35 kg P2O5 và 85 - 90 kg K2O.

- Trường hợp sử dụng phân chuồng ủ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng bón cho 1 ha:

+ Phân chuồng ủ hoai mục từ phẩm trồng trọt và chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm vi sinh vật (phụ lục 1): 6 - 8 tấn.

+ Phân NPK: 400 - 600 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 75 - 85 kg urê, 160 - 190 kg supe lân và 150 - 165 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 35 - 40 kg N, 25 - 30 kg P2O5 và 90 - 100 kg K2O.

* Phương pháp bón

- Bón lót: 100% phân hữu cơ và 100% phân supe lân khi làm đất.

- Bón thúc: sử dụng phân NPK, urê và kali clorua, bón vào các thời kỳ sinh trưởng chủ yếu của cây cà chua gồm:

+ Thời kỳ hồi xanh: bón 20% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ bắt đầu xuất hiện hoa: bón 20% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ ra hoa rộ và bắt đầu đậu quả: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ thu quả đợt đầu: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.

b) Kỹ thuật bón phân cho sản xuất dưa

chuột an toàn

* Loại phân và liều lượng bón

- Trường hợp sử dụng phân hữu cơ thay thế 25% phân vô cơ kết hợp với 75% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng phân bón cho 1 ha:

+ Phân hữu cơ: 0,6 - 0,8 tấn phân hữu cơ và 3 - 4 tấn phân chuồng ủ hoặc 1,5 - 2 tấn phân hữu cơ.

+ Phân NPK: 400 - 600 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 75 - 85 kg urê, 160 - 190 kg supe lân và 85 - 100 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 35 - 40 kg N, 25 - 30 kg P2O5 và 50 - 60 kg K2O.

- Trường hợp sử dụng phân chuồng ủ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng bón cho 1 ha:

+ Phân chuồng ủ hoai mục từ phụ phẩm trồng trọt và chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm vi sinh vật (phụ lục 1): 6 - 8 tấn.

+ Phân NPK: 400 - 600 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 45 - 55 kg urê, 190 - 250 kg supe lân và 100 - 115 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 20 - 25 kg N, 30 - 40 kg P2O5 và 60 - 70 kg K2O.

* Phương pháp bón

- Bón lót: 100% phân hữu cơ và 100% phân supe lân, bón khi làm đất.

- Bón thúc: sử dụng phân NPK, urê và kali clorua, bón vào các thời kỳ sinh trưởng chủ yếu của cây dưa chuột gồm:

+ Thời kỳ hồi xanh: bón 20% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ bắt đầu xuất hiện hoa: bón 20% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ ra hoa rộ và bắt đầu đậu quả: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ thu quả đợt đầu: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.

c) Kỹ thuật bón phân cho sản xuất rau muống an toàn

* Loại phân và liều lượng bón

- Trường hợp sử dụng phân hữu cơ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng phân bón cho 1 ha:

+ Phân hữu cơ: 1,3 - 1,5 tấn phân hữu cơ và 3 - 5

tấn phân chuồng ủ hoặc 2,5 - 3 tấn phân hữu cơ.

+ Phân NPK: 200 - 300 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 55 - 65 kg urê, 125 - 155 kg supe lân và 60-65 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 25 - 30 kg N, 20 - 25 kg P2O5 và 35 - 40 kg K2O.

- Trường hợp sử dụng phân chuồng ủ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng bón cho 1 ha:

+ Phân chuồng ủ hoai mục từ phụ phẩm trồng trọt và chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm vi sinh vật (phụ lục 1): 6 - 8 tấn

+ Phân NPK: 300 - 400 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 65 - 85 kg urê, 155 - 185 kg supe lân và 85 - 100 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 30 - 40 kg N, 25 - 30 kg P2O5 và 50 - 60 kg K2O.

* Phương pháp bón

Bón lót 100% phân hữu cơ và 100% phân lân (bón khi làm đất). Bón thúc vào thời kỳ cây con và sau mỗi lần thu hoạch (không bón trực tiếp vào cây) với lượng bón từ 20 - 25% NPK, urê và kali clorua.

d) Kỹ thuật bón phân cho sản xuất rau mồng tơi an toàn

* Loại phân và liều lượng bón

- Trường hợp sử dụng phân hữu cơ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng phân bón cho 1 ha:

+ Phân hữu cơ: 1,3 - 1,5 tấn phân hữu cơ và 3 - 5 tấn phân chuồng ủ hoặc 2,5 - 3 tấn phân hữu cơ.

+ Phân NPK: 200 - 300 kg NPK (5:10:3). Có thể sử dụng NPK (16:16:8), khi đó sẽ giảm lượng N, P, K nguyên chất.

+ Các loại phân đơn: 55 - 65 kg urê, 125 - 155 kg supe lân và 60 - 65 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 25 - 30 kg N, 20 - 25 kg P2O5 và 35 - 40 kg K2O.

- Trường hợp sử dụng phân chuồng ủ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng bón cho 1 ha:

+ Phân chuồng ủ hoai mục từ phụ phẩm trồng trọt và chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm vi sinh vật (phụ lục 1): 6 - 8 tấn

+ Phân NPK: 300 - 400 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 45 - 55 kg urê, 220 - 250 kg supe lân và 75 - 85 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 20 - 25 kg N, 35 - 40 kg P2O5 và 45 - 50 kg K2O.

* Phương pháp bón

Bón lót 100% phân hữu cơ và 100% phân supe

lân (bón khi làm đất). Bón thúc vào thời kỳ cây con và sau mỗi lần thu hoạch (không bón trực tiếp vào cây) với lượng bón từ 20 - 25% NPK, urê và kali clorua.

e) Kỹ thuật bón phân cho sản xuất bắp cải an toàn

* Loại phân và liều lượng bón

- Trường hợp sử dụng phân hữu cơ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng phân bón cho 1 ha:

+ Phân hữu cơ: 2 - 2,5 tấn phân hữu cơ và 3 - 5 tấn phân chuồng ủ hoặc 3 - 4 tấn phân hữu cơ.

+ Phân NPK: 400 - 600 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 75 - 85 kg urê, 155 - 185 kg supe lân và 150 - 165 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 35 - 40 kg N, 25 - 30 kg P2O5 và 90 - 100 kg K2O.

- Trường hợp sử dụng phân chuồng ủ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng bón cho 1 ha:

+ Phân chuồng ủ hoai mục từ phụ phẩm trồng trọt và chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm vi sinh vật (phụ lục 1): 8 - 10 tấn

+ Phân NPK: 400 - 600 kg NPK (5:10:3).

+ Các loại phân đơn: 75 - 85 kg urê, 185 - 220 kg supe lân và 150 - 165 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 35 - 40 kg N, 30 - 35 kg P2O5 và 90 - 100 kg K2O.

* Phương pháp bón

- Bón lót: 100% phân hữu cơ và 100% phân supe lân (bón khi làm đất).

- Bón thúc: sử dụng phân NPK, urê và kali clorua, bón vào các thời kỳ sinh trưởng chủ yếu của cây bắp cải như:

+ Thời kỳ hồi xanh: bón 20% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ trải lá bàng: bón 20% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ bắt đầu cuộn: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.

+ Thời kỳ 10 - 15 ngày sau khi bắt đầu cuộn: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.

g) Kỹ thuật bón phân cho sản xuất củ cải an toàn

* Loại phân và liều lượng bón

- Trường hợp sử dụng phân hữu cơ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng phân bón cho 1 ha:

+ Phân hữu cơ: 1,3 - 1,5 tấn phân hữu cơ và 3 - 5 tấn phân chuồng ủ hoặc 2,5 - 3 tấn phân hữu cơ.

- + Phân NPK: 300 - 400 kg NPK (5:10:3).
- + Các loại phân đơn: 55 - 65 kg urê, 185 - 220 kg supe lân và 75 - 85 kg kali clorua tương ứng với lượng nguyên chất là: 25 - 30 kg N, 30 - 35 kg P2O5 và 45 - 50 kg K2O.
- Trường hợp sử dụng phân chuồng ủ thay thế 50% phân vô cơ kết hợp với 50% phân vô cơ theo tổng mức NPK quy đổi bằng mức bón thông dụng: tổng lượng bón cho 1 ha:
 - + Phân chuồng ủ hoai mục từ phụ phẩm trồng trọt và chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm vi sinh vật (phụ lục 1): 6 - 8 tấn
 - + Phân NPK: 300 - 400 kg NPK (5:10:3).
 - + Các loại phân đơn: 45 - 55 kg urê, 220 - 250 kg supe lân và 75 - 85 kg kali clorua tương ứng với

lượng nguyên chất là: 20 - 25 kg N, 35 - 40 kg P2O5 và 45 - 50 kg K2O.

- * Phương pháp bón
 - Bón lót: 100% phân hữu cơ và 100% phân supe lân (bón khi làm đất).
 - Bón thúc: sử dụng phân NPK, urê và kali clorua, bón vào các thời kỳ sinh trưởng chủ yếu của cây củ cải gồm:
 - + Thời kỳ sinh trưởng thân lá: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.
 - + Thời kỳ bắt đầu tạo củ: bón 30% lượng NPK, urê và kali clorua.
 - + Thời kỳ củ phát triển: bón 40% lượng NPK, urê và kali clorua./.

TTKNQG

6 NGUYÊN LIỆU THAY THẾ NGŨ TRONG THỨC ĂN CHO GÀ THỊT

Phụ phẩm lò bánh, dầu/mỡ, sắn, ngũ cốc phụ, đậu nành nguyên béo, mật rỉ đường là những nguyên liệu thay thế ngô trong thức ăn cho gà thịt.

Phụ phẩm lò bánh

Bột bánh có thể hình thành từ rất nhiều nguyên liệu giàu tinh bột và chất béo như mì ống, bánh ngọt, bánh mì, khoai tây chiên, đồ ngọt... Tuy nhiên, để có thể sử dụng đúng cách và đánh giá đúng chất lượng, cần biết mức độ muối, đường, tinh bột và dầu/chất béo. Đối với gà thịt, nên tránh sản phẩm có hàm lượng lactose và đường cao, trong khi nên ưu tiên loại dầu cao (có thêm chất chống ôxy hóa) và hàm lượng tinh bột.

Dầu/mỡ

Mặc dù dầu và chất béo có chi phí khá cao, tuy nhiên vẫn có một số loại có chất lượng cao và chi phí phù hợp. Chẳng hạn như các nguồn chất béo ít được biết đến như nguồn chất béo là nguyên liệu sản xuất xà phòng. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, có thể sử dụng lượng dầu và chất béo bổ sung cao hơn bình thường trong khẩu phần ăn của gà thịt, mặc dù điều này có thể làm thay đổi chất lượng thân thịt, nhưng vẫn nằm trong mức chấp nhận được.

Sắn

Là một sản phẩm của Đông Nam Á và thường được nhập khẩu vào các nước khác vì nó đã trở thành một loại hàng hóa. Nó có thể gây độc, nếu không được chế biến đúng cách. Tác động này được quan tâm nhiều hơn khi mức sử dụng tăng lên, tuy nhiên hiện nay, thông thường sắn được bán trên thị trường đều từ những nhà cung cấp có uy tín nên khá đảm bảo về chất lượng. Tại Thái Lan, nước có sản lượng sắn khá cao, gần như tất cả sắn được sử dụng cho thức ăn gia súc và sản

xuất tinh bột. Ngành công nghiệp sau này đã cho ra các sản phẩm phụ nhiều xơ, bột sắn, đã được sử dụng làm thức ăn cho gia cầm và heo.

Ngũ cốc phụ

Tất cả mọi thứ trừ ngô và lúa mì có thể được coi là ngũ cốc phụ. Trong số đó, chỉ có cao lương, loại nguyên liệu ở một số nơi đã được trồng thay ngô được xem là loại có chất lượng tương đương với hai nguồn năng lượng là ngô và lúa mì. Bởi hầu hết các nguyên liệu thay thế chứa quá nhiều polysaccharid phi tinh bột (NSP) làm giảm khả năng tiêu hóa năng lượng, gây ra hiện tượng dính phân trên gà. Vì vậy, chúng được xem như một yếu tố kháng dinh dưỡng, mặc dù không phải là một tác nhân độc hại.

Đậu nành nguyên béo

Đậu nành chứa tới 38% dầu ở dạng tự nhiên, khô. Do đó, khi đậu nành còn nguyên hạt, sử dụng chúng sau khi chế biến nhiệt có thể cung cấp một nguồn năng lượng ở dạng lipid "bao bọc" mà không dễ bị ôxy hóa như lipid trong dầu và mỡ. Trong hầu hết các trường hợp, đậu nành nguyên béo được ép đùn để giảm các yếu tố kháng dinh dưỡng có trong hạt.

Mật rỉ đường

Ít khi người ta xem xét mật rỉ đường làm thức ăn cho gà thịt, nhưng không có gì gây hại trong nguyên liệu này, ngoài việc nó có dạng bán lỏng cần được xử lý đặc biệt. Vì vậy, khi mật rỉ đường đã tồn tại như một nguyên liệu trong bất kỳ nhà máy thức ăn chăn nuôi nào, thì không có lý do gì một lượng nhất định không thể được sử dụng trong thức ăn cho gà thịt./.

Theo tapchigiacam.vn

NHÀ NÔNG & DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

DỰ BÁO THỜI TIẾT 10 NGÀY THÀNH PHỐ HÀ NỘI (TỪ NGÀY 11 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2021)

1. Xu thế thời tiết 10 ngày:

Ngày 11 - 13, ảnh hưởng của rãnh áp thấp có trục qua Bắc Bộ có xu hướng nâng trục dần lên phía Bắc và hoạt động yếu dần. Khoảng từ ngày 14 - 16 khu vực có khả năng ảnh hưởng của vùng xoáy thấp trên khu vực bắc Trung Bộ, Những ngày còn lại ảnh hưởng của rìa đông nam vùng áp thấp phía Tây sau ảnh hưởng của rìa nam rãnh áp thấp nối với vùng áp thấp phía Tây bị nén bởi bộ phận áp cao lục địa ở phía Bắc.

2. Dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng:

Ngày 11 - 12: Nhiều mây, có mưa, mưa rào và dông. Gió Đông nam cấp 2.

Ngày 13 và từ ngày 17 - 20: Mây thay đổi,

ngày nắng, chiều tối và đêm có ngày có mưa rào và dông vài nơi. Gió Đông nam cấp 2 - 3.

Từ ngày 14 - 16 : Nhiều mây, có mưa, mưa vừa, có nơi mưa to và dông, trong mưa dông có khả năng xảy ra gió giật mạnh. Gió Đông nam cấp 3.

Nhiệt độ trung bình: 29.0 - 30.0°C.

Nhiệt độ cao nhất: 36 - 38°C.

Nhiệt độ thấp nhất: 24 - 26°C.

Lượng mưa phổ biến: 80 - 120 mm. Có nơi lớn hơn.

Độ ẩm trung bình: 80 - 85%.

Tổng số giờ nắng: 40 - 50 giờ.

Theo Đài KTTV KVĐB Bắc Bộ

CHỦ ĐỘNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN NGUY CƠ XÂM NHIỄM CHŨNG VI RÚT CÚM GIA CẦM A/H5N8



Theo thông tin của Tổ chức Thú y thế giới (OIE) và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO), từ năm 2014 đến nay, chủng vi rút Cúm gia cầm (CGC) thể độc lực cao A/H5N8 đã xuất hiện, gây bệnh trên gia cầm (giai đoạn đầu chủ yếu xảy ra ở trên chim hoang dã), sau đó lây lan nhanh, ở phạm vi rất rộng và gây ra dịch bệnh trên gia cầm nuôi. Tính đến tháng 5/2021, tổng cộng đã có 62 quốc gia, vùng lãnh thổ báo cáo phát hiện chủng vi rút này; tính từ tháng 01/2019 đến tháng 5/2021, trên thế giới có tổng cộng 2.867 ổ dịch do chủng vi rút CGC A/H5N8 gây ra, chiếm hơn 72% trong tổng số các ổ dịch CGC do các chủng vi rút khác

nhau gây ra tại 45 quốc gia, vùng lãnh thổ (trong đó có các quốc gia chung biên giới, gần Việt Nam); trong tháng 02/2021, có 07 người tại Liên bang Nga được xác định nhiễm vi rút cúm A/H5N8 với các triệu chứng nhẹ (theo Tổ chức Y tế thế giới, đến nay chưa có bằng chứng về vi rút CGC A/H5N8 lây từ người sang người).

FAO và WHO Việt Nam khuyến nghị:

1. Đối với người chăn nuôi gia cầm: Tăng cường các biện pháp an toàn sinh học tại khu vực chăn nuôi để giảm thiểu nguy cơ vi rút xâm nhập. Tuân thủ đúng lịch tiêm phòng và đảm bảo dinh dưỡng tốt cho sức khỏe gia cầm. Báo cáo các trường hợp gia cầm chết bất thường cho chính quyền hoặc cơ quan thú y địa phương và không cho phép khách vào khu vực chăn nuôi.

2. Đối với những người buôn bán gia cầm: Chỉ thu mua gia cầm có nguồn gốc rõ ràng và bán ở những khu vực được phép trong chợ. Không bán gia cầm bên ngoài chợ. Sử dụng giày dép riêng và trang bị bảo hộ cần thiết khi tiếp xúc với gia cầm. Luôn rửa tay bằng nước sạch và xà phòng sau khi tiếp xúc với gia cầm.

3. Đối với bác sĩ thú y và những người tham gia vào công tác phòng, chống dịch: Cần luôn sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân khi tiếp xúc với gia cầm nhiễm hay nghi ngờ nhiễm bệnh để giảm thiểu nguy cơ bị lây bệnh.

4. Đối với cộng đồng: Thường xuyên rửa tay trước khi chế biến thực phẩm và thường xuyên trong quá trình nấu ăn và sau khi tiếp xúc với động vật. Nấu chín kỹ thức ăn, đặc biệt là thịt, gia cầm và trứng. Rửa sạch và làm vệ sinh tất cả các bề mặt và dụng cụ được sử dụng để chế biến thực phẩm. Không ăn "tiết canh". Tránh tiếp xúc với

động vật ốm hoặc chết. Nếu đã tiếp xúc với gia cầm có khả năng bị nhiễm bệnh, hãy liên hệ với cơ sở y tế gần nhất khi bạn có các triệu chứng đường hô hấp. Báo cáo ngay khi thấy gia cầm ốm chết bất thường cho cơ quan thú y địa phương./.

Cần Xuân Minh

KHẨN TRƯƠNG PHÒNG CHỐNG NẮNG NÓNG CHO THỦY SẢN

Tổng cục Thủy sản vừa có văn bản gửi Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh, thành phố về việc tăng cường quản lý nuôi trồng thủy sản trong điều kiện thời tiết nắng nóng năm 2021.

Tổng cục Thủy sản cho biết theo Dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV Quốc gia, nắng nóng và nắng nóng gay gắt sẽ xảy ra tại khu vực miền Bắc và Nam Trung Bộ từ tháng 6 đến tháng 8/2021 với nền nhiệt phổ biến 37 - 40 độ C, mỗi đợt nắng nóng kéo dài từ 4 - 6 ngày.

Kết quả quan trắc, giám sát môi trường tại các ao nuôi, vùng bãi triều và đầm/vịnh cho thấy nhiệt độ nước có xu hướng tăng cao (≥ 33 độ C) từ 13-15 giờ trong ngày.

Hiện tượng nắng nóng bất thường, hạn hán có thể xảy ra ở nhiều địa phương; sau nắng nóng rất có thể sẽ có mưa đồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh trưởng và phát triển của thủy sản nuôi.

Để kịp thời ứng phó với các hiện tượng bất thường của thời tiết, hạn chế thấp nhất tác động tiêu cực đối với sản xuất thủy sản, Tổng cục Thủy sản đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương triển khai ngay một số nội dung:

Chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; tăng cường quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi; triển khai ngay các khuyến cáo qua các bản tin cảnh báo môi trường của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, II, III.

Tổ chức nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy các công trình thủy lợi nhằm hỗ trợ, phục vụ người dân bơm nước cho hoạt động nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm.

Thả giống với mật độ hợp lý và có biện pháp chăm sóc đúng kỹ thuật. Dùng thả giống khi điều kiện thời tiết không cho phép nhằm hạn chế thiệt hại do nắng nóng và các hiện tượng thời tiết bất thường xảy ra.

Phổ biến và hướng dẫn người nuôi thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật ứng phó với nắng nóng, hạn hán và biến động bất thường của thời tiết giai đoạn đầu mùa mưa nhằm ổn định môi trường ao

nuôi, nâng cao sức đề kháng cho thủy sản nuôi.

Tổng cục Thủy sản đã có hướng dẫn về một số giải pháp kỹ thuật ứng phó với tình hình thời tiết nắng nóng kéo dài, mưa đồng bất thường. Cụ thể:

Đối với thủy sản nuôi trong ao

Kiểm tra bờ, cống ao để tránh hiện tượng rò rỉ nước. Duy trì mực nước trong ao trên 1,5 m, tích cực tạo oxy cho ao nuôi bằng máy quạt nước, máy sục khí vào thời điểm 10-18h và ban đêm. Những nơi có điều kiện thay nước có thể thay từ 15-20% lượng nước cũ và cấp thêm nước mới vào ao dưới dạng phun mưa (tốt nhất vào sáng sớm).

Dùng lưới lan che phủ 2/3 diện tích mặt ao và cao hơn mặt nước trên 2m để hạn chế bức xạ của ánh sáng mặt trời, giảm tăng nhiệt độ nước trong ao, tránh gây sốc cho tôm nuôi.

Giảm 50% lượng thức ăn khi trời nắng nóng gay gắt. Bổ sung vitamin C, khoáng chất, chế phẩm sinh học vào thức ăn nhằm tăng cường sức đề kháng, duy trì đàn tôm nuôi.

Hàng tuần nên dùng vôi bột hòa tan tạt đều khắp ao vào buổi chiều mát để khử trùng nguồn nước và ổn định pH trong ao với hàm lượng 2 - 4 kg vôi bột/100 m³ nước.

Chủ động thu hoạch thủy sản nuôi khi đạt kích cỡ thương phẩm hoặc san thưa mật độ ngay khi thiếu nước, hạn hán xảy ra.

Đối với nuôi nhuyễn thể (ngao)

Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bãi nuôi, san bằng mặt bãi, khai thông vùng nước ở các bãi ghèu nhằm tránh hiện tượng nước đọng cục bộ và giảm thiểu ảnh hưởng của sự chênh lệch nhiệt độ trong ngày làm ngao yếu và chết.

Vào thời điểm nắng nóng, đối với các bãi ngao nằm ở vùng cao triều, thời gian phơi bãi quá 4h/ngày cần san thưa mật độ và cào ngao đến vùng thấp hơn, thu gom xác ngao chết để hạn chế lây lan dịch bệnh.

Thu tỉa khi ngao đạt kích cỡ thu hoạch. Đối với ngao nuôi chưa đạt kích cỡ thu hoạch, tiến hành kiểm tra mật độ để có kế hoạch chủ động san thưa, đảm bảo mật độ nuôi từ 180 - 200 con/

m² đối với cỡ ngao từ 400 – 600 con/kg, dưới 250 con/m² đối với cỡ ngao từ 500 – 800 con/kg, 250 – 350 con/m² đối với cỡ ngao từ 800 – 2000 con/kg.

Hạn chế thả giống vào thời điểm nhiệt độ cao và nắng nóng kéo dài.

Đối với thủy sản nuôi sông/hồ và trong các đầm, vịnh

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra sức khỏe thủy sản nuôi, thu gom thức ăn thừa, vò lột, xác thủy sản chết. Di chuyển lồng bè chưa nuôi nhằm tăng sự thông thoáng mặt nước cho vùng nuôi. Sử dụng lưới lan che bề mặt lồng bè nuôi để giảm ánh sáng trực tiếp xuống đáy lồng nuôi.

Khi mực nước trên sông/hồ giảm cần hạ thấp lồng nuôi hoặc di chuyển lồng nuôi đến nơi có mực nước sâu để bảo đảm độ sâu luôn ở mức 2,5 –

3,0 m. Đối với vùng nuôi tôm hùm có hàm lượng vật chất hữu cơ nhiều nên đặt lồng nuôi cách đáy khoảng 1,5-2,0 m nhằm khắc phục việc thiếu oxy cục bộ.

Giảm 50-70% lượng thức ăn cho ăn hàng ngày hoặc ngừng cho ăn vào những ngày nắng nóng gay gắt. Chọn loại thức ăn có hàm lượng dinh dưỡng cao kết hợp với việc bổ sung vitamine C, khoáng chất, chế phẩm để duy trì thủy sản nuôi trong giai đoạn nắng nóng gay gắt.

Tiến hành thu tỉa khi tôm, cá nuôi đạt kích cỡ thu hoạch. Hạn chế đánh bắt, san thưa, vận chuyển, thả giống vào những ngày nắng nóng, thời điểm nắng nóng trong ngày./.

Theo NNVN

RÀ SOÁT CÁC HỢP TÁC XÃ NGỪNG HOẠT ĐỘNG CHỜ GIẢI THỂ ĐỂ XỬ LÝ

Văn phòng UBND thành phố Hà Nội vừa ban hành Thông báo số 319/TB-VP về kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Mạnh Quyền tại cuộc họp về tình hình thực hiện phát triển kinh tế trang trại, làng nghề; kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2020, các tháng đầu năm 2021 và kế hoạch, phương hướng giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, UBND thành phố giao Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã thành phố rà soát, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách của thành phố về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; rà soát tổng hợp danh sách các hợp tác xã ngừng hoạt động chờ giải thể trên địa bàn thành phố. Đồng thời, đề xuất thành lập tổ công tác để hướng dẫn tháo gỡ cho các quận, huyện, thị xã khi giải quyết các vướng mắc đối với công tác giải thể hợp tác xã trên địa bàn thành phố...

ĐỊA CHỈ XANH:

HTX DVNN SẠCH HỮU CƠ THANH XUÂN: 20 SẢN PHẨM OCOP 4 SAO



UBND thành phố cũng giao Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội chủ trì xây dựng, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, làng nghề trên địa bàn thành phố; chủ trì rà soát quy hoạch; ưu tiên tập trung phát triển các làng nghề đang có, làng truyền thống, tiêu biểu, làng nghề kết hợp du lịch...

Liên quan đến nhiệm vụ nêu trên, Liên minh Hợp tác xã thành phố, Hội Nông dân thành phố tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tư vấn, vận động, hỗ trợ, đào tạo; bảo vệ quyền và lợi ích hội viên, thành viên tham gia, thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của thành phố trong lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, làng nghề, trang trại theo đúng quy định.../.

NT (Theo Hà Nội mới)

HTX Dịch vụ Nông nghiệp sạch hữu cơ Thanh Xuân (HTX Thanh Xuân) được thành lập năm 2013 với 14 thành viên. HTX Thanh Xuân chuyên sản xuất các loại rau an toàn theo hướng hữu cơ, cung cấp cho các doanh nghiệp và hệ thống cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn Hà Nội. Sau hơn 7 năm phát triển, đến nay HTX đã phát triển lên 161 thành viên và đã tạo dựng được thương hiệu, uy tín sản phẩm sạch, an toàn và ngày càng được nhiều người tin dùng, mang lại thu nhập cao cho nông dân. Các thành viên luôn tuân thủ nghiêm

ngặt nguyên tắc “5 không” trong quá trình trồng rau. Nhờ chất lượng được kiểm soát, mỗi tháng sản phẩm rau hữu cơ Thanh Xuân tiêu thụ tại thị trường Hà Nội 30 tấn rau, củ, quả các loại với giá ổn định từ 15.000 – 20.000 đ/kg.

Mô hình sản xuất hữu cơ đã thay đổi thói quen của người dân trong chăm sóc cây trồng, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật mà thay thế bằng thuốc thảo mộc. Do thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, nên rau hữu cơ Thanh Xuân được nhiều người tiêu dùng lựa chọn. Hiện có 20 sản phẩm của HTX Thanh Xuân đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP 4 sao (rau mùng tơi, rau cải ngồng, cà chua, quả bí đỏ,

quả mướp hương, rau cải chíp, rau bắp cải, củ cà rốt, cà tím dài, bí xanh, quả bầu, khoai tây, su hào, rau bó xôi, rau muống, rau dền đỏ, đậu cove, rau lang, quả đậu đỗ, dưa chuột).

Khách hàng, doanh nghiệp có nhu cầu liên kết, tiêu thụ sản phẩm xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

HTX Dịch vụ Nông nghiệp sạch hữu cơ Thanh Xuân

Địa chỉ: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Đại diện: Hoàng Thị Hậu

ĐT: 0985.335.768

TX (TH)

GƯƠNG SẢN XUẤT ĐIỂN HÌNH:

LÀM GIÀU TỪ MÔ HÌNH NUÔI GÀ AI CẬP SIÊU TRỨNG

Chị Tống Thị Hồng (thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ) là tấm gương nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi của địa phương nhờ mô hình nuôi gà Ai Cập siêu trứng cho thu lãi hàng trăm triệu đồng mỗi năm.

Chia sẻ về cơ duyên đến với nghề nuôi gà Ai Cập siêu trứng, chị Hồng cho biết, trước đây, gia đình cũng vất vả quanh năm gắn bó với cây lúa nhưng thu nhập chỉ đủ ăn, đời sống gặp nhiều khó khăn. Sau một lần được thăm quan mô hình nuôi gà đẻ trứng tại xã bạn, nhận thấy mô hình này cho hiệu quả kinh tế cao nên chị đã lên kế hoạch bắt tay vào thực hiện. Đầu tiên, chị Hồng dành thời gian để tìm hiểu và học hỏi kỹ thuật chuyên sâu về nuôi gà đẻ trứng. Tiếp đó, qua tìm hiểu thông tin chị được biết về nguồn vốn Quỹ khuyến nông thành phố trên địa bàn huyện Chương Mỹ chị đã liên hệ với Tiểu ban Quỹ khuyến nông huyện Chương Mỹ để được hướng dẫn làm hồ sơ vay vốn với phương án chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm. Sau khi hoàn thiện hồ sơ và được giải ngân, cùng với nguồn vốn tự có của gia đình, trên diện tích 1.600 m², chị đầu tư xây dựng chuồng trại với 2 khu chuồng nuôi khép kín, hiện đại và 4 chuồng hờ và đầu tư mua con giống.

Hiện nay, trại gà của chị Hồng đang nuôi gần 12.000 con gà đẻ giống gà Ai Cập. Với 12.000 con gà đẻ, trung bình mỗi ngày gia đình chị Hồng cung cấp ra thị trường từ 8.000 - 8.500 quả trứng, thương lái đến tận trại thu mua với giá bán bình quân 1.800 đồng/quả. “Cứ sau 12 tháng gà đẻ, sản lượng trứng giảm tôi lại đảo giống và xuất bán ra thị trường khoảng 12 tấn gà đẻ thải loại. Tính

chung, mỗi năm, trừ các khoản chi phí, gia đình tôi thu lãi hơn 400 triệu đồng” – Chị Hồng cho biết.

Theo chị Hồng, để đầu ra ổn định và đảm bảo chất lượng sản phẩm, người nuôi cần chú trọng khâu chọn con giống tốt, khỏe mạnh. Về chuồng trại, phải thiết kế đảm bảo làm thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông và định kỳ khử trùng chuồng nuôi. Bên cạnh đó, thường xuyên quan sát, chăm sóc tốt đàn gà, tiêm phòng đúng quy trình, cung cấp đầy đủ thức ăn và nước uống sạch cho gà hàng ngày. Đặc biệt, muốn gà đẻ đều, chất lượng trứng tốt thì chăm cho gà ăn phải đảm bảo đủ chất dinh dưỡng để gà mẹ luôn khỏe mạnh, sức đề kháng cao. Nhờ sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý phân gà nên không phải tốn công quét dọn chuồng hàng ngày mà gần như không có mùi hôi. Việc thiết kế chuồng nuôi khoa học còn giúp việc thu gom trứng dễ dàng, hạn chế bị nứt vỡ.

Trại gà siêu trứng của chị Hồng không chỉ giúp gia đình chị làm giàu mà còn tạo việc làm thường xuyên cho 3 lao động với mức lương ổn định. Nói về hướng phát triển trong tương lai, chị Hồng bày tỏ mong muốn sẽ sớm mở rộng quy mô chăn nuôi và liên kết được với doanh nghiệp bao tiêu ổn định sản phẩm. Có như vậy mới tránh được tình trạng phụ thuộc thị trường, giá cả bấp bênh như hiện nay. Mặt khác, từ huyện đến cơ sở cần tạo điều kiện hỗ trợ về nguồn vốn vay phát triển sản xuất để nhiều hộ mạnh dạn đầu tư xây dựng mô hình chăn nuôi, trồng trọt theo hướng hàng hóa, góp phần tăng thu nhập, vươn lên làm giàu./.

Ngô Thị Hiền

Đôi với mặt hàng lương thực: Cục Trồng trọt cho biết, vụ đông xuân 2020-2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Nhờ đó, vụ sản xuất này đã thắng lợi kỷ lục về năng suất, sản lượng, giá trị; lợi nhuận tăng do diện tích giống lúa chất lượng được mở rộng và chi phí sản xuất giảm. Đối với một số mặt hàng gạo trên địa bàn thành phố vẫn duy trì như sau: Gạo tám Thái có giá từ 18.000 – 20.000 đ/kg, gạo Điện Biên, Hải Hậu dao động từ 16.000 - 17.000 đ/kg, gạo nếp cái hoa vàng giá dao động từ 26.000 - 28.000 đ/kg. Đậu xanh tách vỏ có giá từ 42.000 - 45.000 đ/kg, đậu đen có giá từ 55.000 -56.000 đ/kg, lạc nhân vẫn dao động quanh mức từ 55.000 - 60.000 đ/kg,...

Đôi với các mặt hàng thực phẩm: Gần 1 tháng nay, giá thịt lợn xuất chuồng tại các trang trại giảm mạnh và đã về đến mức thấp nhất trong vòng hơn một năm qua. Tuy nhiên, giá thịt lợn bán tại các chợ dân sinh, cửa hàng tiện ích vẫn ở mức cao. Theo khảo sát tại một số trang trại chăn nuôi trên địa bàn thành phố, giá thịt lợn giảm từng ngày, hiện dao động trong khoảng 67.000 - 69.000 đ/kg. Tuy nhiên, tại một số chợ dân sinh trên địa bàn thành phố, giá thịt lợn vẫn duy trì ở mức cao, khoảng 130.000-150.000 đ/kg, (trong đó giá thịt nạc vai 140.000-150.000 đ/kg; thịt bả chỉ 150.000 đ/kg; sườn non 150.000 đ/kg). Nguyên nhân, do thịt lợn từ trang trại chăn nuôi đến tay người tiêu dùng phải qua nhiều khâu trung gian nên thời điểm hiện tại, dù nguồn cung đang dồi dào, giá thịt lợn hơi tại các trang trại đang giảm mạnh, nhưng người tiêu dùng vẫn sử dụng thịt lợn với giá cao. Để giá thịt lợn tới tay người tiêu dùng trở về mức hợp lý, các cơ quan chức năng, đặc biệt là ngành Nông nghiệp cần hỗ trợ các trang trại, hợp tác xã xây dựng chuỗi liên kết gắn với doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp thu mua lợn trực tiếp từ người chăn nuôi, giết

mổ và bán ra thị trường sẽ giảm bớt các khâu trung gian như hiện nay. Cùng với đó là việc kiểm tra, giám sát hệ thống phân phối, các cơ sở giết mổ và đầu mối bán buôn, bán lẻ có giải pháp phù hợp, bảo đảm lợi ích của người chăn nuôi, người cung ứng và người tiêu dùng.

Đôi với mặt hàng gia cầm: Những ngày nắng nóng, nhu cầu tiêu thụ vịt, ngan tăng cao nên giá bán lẻ các mặt hàng này tại các chợ dân sinh có xu hướng tăng, gà ta nguyên con làm sẵn có giá bán từ 160.000 – 180.000 đ/kg, vịt nguyên con làm sẵn có giá từ 75.000 – 80.000 đ/kg, ngan nguyên con làm sẵn 85.000 – 90.000 đ/kg. Bên cạnh đó, giá bán lẻ các mặt hàng trứng phổ biến như sau: Trứng gà Ai Cập có giá từ 2.000 – 2.200 đ/quả, trứng vịt có giá từ 2.000 - 2.500 đ/quả, trứng cút giá từ 5.000- 6.000 đ/chục.

Mặt hàng thủy hải sản tươi sống sau thời gian dài giá khá ổn định nay có xu hướng giảm do nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu giảm. Hiện nhiều loại thủy sản nuôi nước ngọt như cá rô phi, trắm cỏ, chép,... giảm ít nhất từ 2.000- 5.000 đồng/kg. Cá trắm 65.000 - 70.000 đ/kg, cá rô phi 40.000 - 45.000 đ/kg, cá chép 55.000 – 60.000 đ/kg, ngao giá 18.000-22.000 đ/kg, cua đồng 180.000 – 200.000 đ/kg,...

Đôi với các mặt hàng rau, củ, quả: Tại Hà Nội, nhiều mặt hàng rau củ quả có xu hướng giảm giá nhẹ. Giá rau cải xanh, cải ngọt 14.000 – 16.000 đ/kg, rau mùng tơi, rau muống giá 3.000 – 4.000 đ/kg, giá rau ngót 5.000 - 6.000 đ/kg, mướp hương, bí đao giá 8.000 - 10.000 đ/kg, cà chua có giá 15.000 đ/kg, cà pháo 8.000 -10.000 đ/kg,... Bên cạnh đó, giá một số mặt hàng trái cây cũng có xu hướng giảm như sau: Dưa hấu giá từ 10.000 – 15.000 đ/kg, mận hậu có giá 10.000 – 15.000 đ/kg, quýt Sài Gòn có giá 40.000 – 45.000 đ/kg, vải thiều có giá từ 25.000 – 30.000 đ/kg,...

TX (TH)

*** Thị trường thế giới**

GẦN 30.000 TẤN VẢI THIỀU HẢI DƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC TIÊU THỤ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Theo thống kê của Sở NN&PTNT tỉnh Hải Dương, gần 30.000 tấn vải thiều đã được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đi các thị trường như: Trung Quốc, Nhật bản,...

Tính đến hiện tại, tỉnh Hải Dương đã thu hoạch và tiêu thụ 28.000 - 29.000 tấn vải (bằng 85% sản lượng vải sớm và bằng 55% sản lượng vải toàn tỉnh). Trong đó, quả vải được trồng ở huyện Thanh Hà luôn có giá cao hơn từ 10.000 - 15.000 đồng/kg so với các nơi khác...

Cụ thể, tính đến ngày 31/5, lượng vải thiều xuất khẩu đi Trung Quốc, Lào, Campuchia đạt 15.000 tấn. Cùng đó, đã có 6.000 - 7.000 tấn tiêu thụ tại các chợ đầu mối lớn trên toàn quốc và bán vào các hệ thống siêu thị là 2.000 tấn.

Đặc biệt, năm nay quả vải còn xuất được sang các nước có giá trị nhập khẩu cao như Nhật Bản, Mỹ, Australia, EU... nên lượng tiêu thụ vải của Hải Dương tăng gấp 2 - 3 lần so với năm ngoái. Riêng thị trường

Nhật Bản đã nhập khẩu 100 tấn, cao gấp hơn 3 lần tổng sản lượng vải cả nước xuất khẩu đi Nhật Bản năm 2020.

Theo Sở NN&PTNT Hải Dương, dự kiến, từ nay đến cuối vụ các doanh nghiệp sẽ tiếp tục thu mua và xuất khẩu 1.000 tấn vải thiều tươi đi Nhật Bản và khoảng 4.000 tấn vải đi Mỹ, Australia, Singapore, EU... Bên cạnh các kênh truyền thống thì năm nay là năm đầu tiên vải thiều Hải Dương được đưa lên sàn thương mại điện tử. Do đó, tỉnh đã làm chủ được quy trình sản xuất vải đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.

Kết quả thu được khá ấn tượng, chỉ trong vài ngày mở kênh này đã tiêu thụ được 100 tấn vải. Nhờ đó đến nay việc tiêu thụ quả vải của Hải Dương rất thuận lợi. Đặc biệt loại vải sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế đã “cháy hàng” do các doanh nghiệp xuất khẩu vải trong cả nước tập trung về Thanh Hà thu mua phục vụ xuất khẩu đi các thị trường khó tính.../.

Theo Báo NNVN

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 08 tháng 6 năm 2021

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Chợ Yên Mê Linh	Chợ Hà Đông	Chợ Nghệ Sơn Tây	Chợ Vân Đình Ứng Hoà	Chợ Phùng Đan Phượng	Chợ Vôi Thường Tín	Chợ Cầu Diễn Từ Liêm	Chợ Ngọc Lâm Long Biên	Chợ Tô Đông Anh	Chợ Tả Thanh Oai Thanh Trì
1	Lúa Khang Dân	loại 1	8.000	8.000	8.000	7.000		8.000	8.000		8.000	8.000
2	Gạo Khang Dân	loại 1	12.000	12.000	12.500	11.000		12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
3	Gạo bắc thơm	loại 1	15.000	16.000	14.000	14.000	15.000	16.000	16.000	15.000	16.000	15.500
4	Gạo Xi 23	loại 1	14.000	14.500			13.000		13.500	13.000	14.000	14.000
5	Gạo Điện Biên	loại 1	16.000	18.000		17.000		16.000	17.000	18.000	17.000	17.000
6	Gạo Hải Hậu	loại 1	20.000	19.000	20.000	18.000	17.000	16.000	17.000		17.000	
7	Gạo tám Thái	loại 1	20.000	20.000	18.000	20.000	20.000	17.000	18.000	18.000		18.000
8	Gạo nếp cái hoa vàng	loại 1	25.000	26.000	24.000	25.000	27.000	25.000	28.000	26.000	28.000	25.000
9	Gạo nếp cẩm	loại 1		30.000	30.000	28.000		34.000	35.000	30.000	32.000	
10	Đậu tương	loại 1		28.000		30.000	23.000	25.000	25.000	30.000		24.000
11	Đậu xanh có vỏ	loại 1	50.000	50.000	50.000	45.000	45.000	45.000	50.000			45.000
12	Lạc nhân	loại 1	55.000	60.000	60.000	60.000	55.000	55.000	60.000	55.000		55.000
13	Đậu đen	loại 1	65.000	60.000	60.000	55.000	50.000		55.000	55.000		
14	Ngô hạt	loại 1	6.800		7.000	7.600	6.800		7.500		7.500	7.500

GIÁ CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP; CÂY, CON GIỐNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 08 tháng 6 năm 2021

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Mê Linh	Hà Đông	Sơn Tây	Ứng Hoà	Đan Phượng	Thường Tín	Từ Liêm	Đông Anh	Thanh Trì
1	Đạm urê ngoại	Loại 1	10.000	9.500	10.000	9.000	10.000	9.000		9.500	9.500
2	NPK 5.10.3 Văn Điển	Loại 1	5.000	4.500	5.000	4.500	4.500	4.500		4.500	4.500
3	Kali	Loại 1	10.000	9.500	9.000	9.500	10.000	9.000	9.000		
4	Lân Văn Điển	Loại 1	4.000	4.000	4.000	3.900	3.800	4.000	4.000	4.000	3.600
5	Giống cây mít siêu sớm	Loại 1		60.000	60.000	55.000	50.000	60.000	60.000	60.000	60.000
6	Giống cây Xoài (Cát, Đài Loan)	Loại 1	35.000	40.000	45.000	40.000	35.000	40.000	45.000	35.000	35.000
7	Giống cây Xoài Thái	Loại 1	40.000	50.000	45.000	45.000	45.000	40.000	50.000	45.000	45.000
8	Giống cây Na Thái	Loại 1		35.000	30.000	40.000	35.000	35.000	40.000	35.000	35.000
9	Giống cây bưởi Diễn	Loại 1	20.000	30.000	30.000	25.000	30.000	30.000	30.000	20.000	20.000
10	Giống cây bưởi da xanh	Loại 1	20.000	30.000	25.000	25.000	25.000		30.000	20.000	20.000
11	Giống cây chanh tứ quý, không hạt	Loại 1		25.000	20.000	25.000	30.000	20.000	30.000	25.000	30.000
12	Giống cây Ổi Đài Loan	Loại 1		30.000	25.000	30.000	30.000	20.000	30.000	20.000	20.000
13	Giống cây Nhân chín muộn	Loại 1	40.000	40.000	40.000	40.000		35.000	35.000	30.000	30.000
14	Giống cây táo đại Đài Loan	Loại 1	20.000	25.000	20.000	25.000	25.000	25.000	30.000	25.000	25.000
15	Giống cây đu đủ Đài Loan	Loại 1	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
16	Lợn giống (8-10kg)	Loại 1	2.500.000		2.200.000	2.400.000	2.200.000	2.400.000		2.500.000	2.500.000
17	Giống vịt Super (1 ngày tuổi)	Loại 1	6.000		8.000	7.000		7.000		8.000	9.000
18	Giống ngan đực (1 ngày tuổi)	Loại 1	13.000		12.000	14.000		12.000	14.000		14.000
19	Giống gà con lông màu (1 ngày tuổi)	Loại 1	8.000		7.000	6.000		8.000	8.000	6.000	8.000
20	Gà con giống trứng (1 ngày tuổi)	Loại 1			15.000	14.000	12.000			13.000	

GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 08 tháng 6 năm 2021

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Chợ Yên Mê Linh	Chợ Hà Đông	Chợ Nghệ Sơn Tây	Chợ Vân Đình Ứng Hoà	Chợ Phùng Đan Phượng	Chợ Vôi Thường Tín	Chợ Cầu Diễn Từ Liêm	Chợ Ngọc Lâm Long Biên	Chợ Tô Đông Anh	Chợ Tả Thanh Oai Thanh Trì
1	Thịt lợn mông sẵn	loại 1	100.000	120.000	115.000	110.000	120.000	110.000	130.000	120.000	125.000	110.000
2	Thịt lợn nạc thăn	loại 1	130.000	140.000	140.000	120.000	150.000	125.000	140.000	140.000	140.000	120.000
3	Thịt lợn ba chỉ	loại 1	140.000	150.000	140.000	130.000	150.000	135.000	150.000	140.000	140.000	130.000
4	Thịt bò thăn	loại 1	280.000	280.000	260.000	260.000	270.000	250.000	270.000	260.000	260.000	260.000
5	Thịt bò mông	loại 1	260.000	260.000	250.000	250.000	270.000	240.000	260.000	250.000	250.000	240.000
6	Gà ta hơi	loại 1		120.000	95.000	90.000	115.000	90.000	130.000	120.000	110.000	100.000
7	Gà ta nguyên con làm sẵn	loại 1	100.000	150.000	120.000	120.000	150.000	140.000	160.000	150.000	130.000	140.000
8	Gà công nghiệp hơi	loại 1	30.000	38.000	30.000	40.000	37.000	30.000			40.000	38.000
9	Gà CN nguyên con làm sẵn	loại 1	50.000	60.000	50.000	60.000	60.000	50.000			60.000	60.000
10	Vịt hơi	loại 1	42.000	50.000	45.000	40.000	43.000	40.000	40.000			40.000
11	Vịt nguyên con làm sẵn	loại 1	70.000	75.000	70.000	68.000	75.000	68.000	70.000	75.000	70.000	70.000
12	Ngan hơi	loại 1	50.000	60.000	55.000	55.000	60.000	50.000		60.000	60.000	50.000
13	Ngan nguyên con làm sẵn	loại 1	70.000	80.000	75.000	75.000	85.000	70.000	85.000	80.000	75.000	80.000
14	Trứng gà ta (quả)	loại 1	4.000	4.500	3.500	4.000	4.000	3.500	4.000		4.000	3.500
15	Trứng vịt (quả)	loại 1	2.000	3.000	3.000	2.500	3.000	2.000	3.000	2.000	2.200	2.500
16	Cá chép > 1kg	loại 1	55.000	55.000	55.000	50.000	55.000	55.000	60.000	60.000		60.000
17	Cá trắm > 2kg	loại 1	70.000	70.000	65.000	60.000	65.000	60.000	70.000			65.000
18	Cá quả	loại 1		110.000		120.000	120.000			100.000	110.000	110.000
19	Ngao	loại 1	18.000	22.000	25.000	18.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
20	Tôm sú	loại 1		560.000			500.000		450.000		550.000	500.000
21	Cua đồng	loại 1	200.000	200.000	160.000	180.000	200.000	200.000	200.000		150.000	150.000

GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ QUẢ TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 08 tháng 6 năm 2021

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Chợ Yên Mê Linh	Chợ Hà Đông	Chợ Nghệ Sơn Tây	Chợ Vân Đình Ứng Hoà	Chợ Phùng Đan Phượng	Chợ Vôi Thường Tín	Chợ Cầu Diễn Từ Liêm	Chợ Ngọc Lâm Long Biên	Chợ Tô Đông Anh	Chợ Tạ Thanh Oai Thanh Trì
1	Cam sành	loại 1		40.000	40.000	35.000	40.000	35.000	35.000	40.000	35.000	35.000
2	Dưa hấu Miền Nam	loại 1	15.000	15.000	14.000	10.000	15.000	15.000	15.000	10.000	10.000	14.000
3	Ổi	loại 1	15.000	15.000	15.000	10.000	15.000	10.000	15.000	15.000	15.000	15.000
4	Dưa lê	loại 1	20.000	23.000	20.000	20.000	20.000	15.000	25.000	20.000	20.000	20.000
5	Dứa (quả)	loại 1	10.000	12.000	15.000	10.000	10.000	10.000	15.000	10.000	12.000	10.000
6	Mận hậu	loại 1	25.000	30.000	25.000	20.000	25.000	20.000	25.000	25.000	20.000	20.000
7	Quýt Sài Gòn	loại 1	40.000	45.000	40.000	40.000	40.000	45.000	40.000	45.000	40.000	40.000
8	Xoài cát	Loại 1	30.000	35.000	30.000	30.000	30.000	35.000	35.000	30.000	30.000	30.000
9	Chôm chôm	loại 1	35.000	40.000	35.000	40.000	40.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
10	Vải thiều	Loại 1	20.000	30.000	20.000	25.000	25.000	20.000	30.000	25.000	25.000	20.000
11	Cà chua	loại 1	18.000	20.000	15.000	15.000	20.000	15.000	20.000	15.000	16.000	18.000
12	Bí đao	loại 1	8.000	12.000	8.000	10.000	8.000	8.000	12.000	12.000	10.000	12.000
13	Khoai tây	loại 1	12.000	15.000	15.000	14.000	10.000	12.000	15.000	15.000	15.000	14.000
14	Rau cải ngọt	loại 1	18.000	20.000	18.000	17.000	18.000	20.000	18.000	18.000		20.000
15	Rau muống (mở)	loại 1	4.000	5.000	4.000	4.000	5.000	4.000	5.000	5.000	4.000	5.000
16	Rau mùng tơi (mở)	loại 1	4.000	5.000	4.000	4.000	5.000	4.000	5.000	4.000	4.000	4.000
17	Dưa chuột	loại 1	10.000	15.000	15.000	10.000	10.000	10.000	15.000	12.000	15.000	14.000
18	Quả su su	loại 1	8.000	12.000	10.000	10.000	10.000	8.000	12.000	8.000	8.000	10.000
19	Mướp hương	loại 1	10.000	12.000	10.000	12.000	10.000	9.000	12.000	10.000	10.000	10.000
20	Hoa hồng đỏ (bông)	loại 1	1.000	4.000	3.000		2.000	3.000	4.000	4.000	2.000	3.000
21	Hoa ly hồng (cành)	loại 1	18.000	30.000		25.000	30.000	22.000	20.000	25.000	25.000	25.000
22	Hoa cúc vàng (bông)	loại 1	2.000	4.000	3.000	4.000	3.000	3.000	4.000	5.000	3.000	4.000

GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN, THỰC PHẨM, RAU, CỦ, QUẢ TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC

Ngày 08 tháng 6 năm 2021

(ĐVT: đ/kg)

STT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Hưng Yên	Thái Bình	Vĩnh Phúc
1	Thóc tẻ (KD, Q5)	loại 1	8.000	8.000	7.900
2	Đậu tương	loại 1	26.000	26.000	25.000
3	Đậu xanh tách vỏ	loại 1	55.000	52.000	55.000
4	Lạc nhân	loại 1	55.000	60.000	60.000
5	Miến dong	loại 1	70.000	70.000	70.000
6	Thịt lợn hơi	loại 1	69.000	68.000	67.000
7	Thịt mông sẵn	loại 1	120.000	115.000	115.000
8	Gà ta hơi	loại 1	100.000	95.000	100.000
9	Vịt hơi	loại 1	42.000	42.000	40.000
10	Thịt bò thăn	loại 1	260.000	270.000	260.000
11	Trứng gà ta (quả)	loại 1	4.000	4.000	3.500
12	Trứng chim cút (10 quả)	loại 1	5.000	6.000	5.000
13	Dừa hấu Miền Nam	loại 1	14.000	14.000	12.000
14	Vải thiều	loại 1	23.000	25.000	25.000
15	Mận hậu	loại 1	20.000	22.000	20.000
16	Cà rốt	loại 1	15.000	15.000	15.000
17	Hành tây	loại 1	15.000	15.000	14.000
18	Chanh (quả tươi)	loại 1	28.000	30.000	28.000
19	Hành củ ta khô	loại 1	60.000	60.000	60.000
20	Tỏi ta khô	loại 1	60.000	60.000	60.000
21	Bí đao	loại 1	9.000	8.000	10.000

DỰ BÁO

NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Đơn vị, người đại diện	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
1	Công ty CP Sản xuất và Dịch vụ thương mại An Huy Đại diện: Đỗ Hùng Chiếu	Thôn Hạ Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, Hà Nội ĐT: 0904.585.159	Chuyên kinh doanh hộp sơn mài gắn sừng, hộp sơn mài gắn trai. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.
2	Hộ kinh doanh Nguyễn Lương Đức Đại diện: Nguyễn Lương Đức	Thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội ĐT: 0913.372.745	Chuyên cung cấp các sản phẩm giày da: giày công sở, giày đá bóng... Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.
3	Cơ sở lụa tơ tằm Đại diện: Nguyễn Thị Tâm	Phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội ĐT: 0912.456.139	Chuyên cung cấp các sản phẩm lụa tơ tằm. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.
4	Công ty TNHH Dệt may Thành Long Đại diện: Phạm Đình Thành	Thôn Thượng, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, Hà Nội ĐT: 0904.551.089	Chuyên cung cấp các sản phẩm khăn bông cao cấp. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.

NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

tt	Đơn vị, người đại diện	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
1	Hợp tác xã nông sản thực phẩm Thành An Đại diện: Nguyễn Xuân Tâm	Thôn 6, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, Hà Nội ĐT: 0984.136.666	Chuyên cung cấp trứng gà tươi Thành An. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.
2	HTX Kinh doanh dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thụy Lâm Đại diện: Nguyễn Thị Cúc	Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội ĐT: 0976.669.658	Chuyên cung cấp gạo nếp cái hoa vàng. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.
3	Hộ kinh doanh Vương Thị Thành Đại diện: Vương Thị Thành	Thôn Đục Khê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội ĐT: 0915.838.799	Chuyên cung cấp bánh rau sắn hiệu Chú Bé. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.
4	HTX Tâm An Đại diện: Nguyễn Thị Thu	Thôn Khánh Vân, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, Hà Nội ĐT: 0975.752.347	Chuyên cung cấp bột rau, củ, quả sấy lạnh GIHO. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.

NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Đơn vị, người đại diện	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
1	Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp Đại diện: Nguyễn Thị Xuân	Xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội ĐT: 0975.364.191	Chuyên cung cấp các loại vật tư nông nghiệp phục vụ địa bàn huyện Phúc Thọ và một số khu vực lân cận.
2	Hộ kinh doanh thuốc thú y Phụng Toàn Đại diện: Lê Thị Toàn	Cụm 8, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, Hà Nội ĐT: 02433.642.417	Chuyên cung cấp thuốc thú y phục vụ địa bàn huyện Phúc Thọ và một số khu vực lân cận.
3	Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp Đại diện: Lê Thị Thanh Huyền	Thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội ĐT: 0353.380.209	Chuyên cung cấp các loại thuốc BVTV, phân bón, giống các loại phục vụ địa bàn huyện Đông Anh và một số khu vực lân cận.
4	Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp Đại diện: Trần Thị Thu Hằng	Thôn Đồng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội ĐT: 0986.227.025	Chuyên cung cấp các loại thuốc BVTV, phân bón, giống các loại phục vụ địa bàn huyện Đông Anh và một số khu vực lân cận.

NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Đơn vị, người đại diện	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
1	Trang trại chăn nuôi Đại diện: Nguyễn Xuân Khanh	Xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Hà Nội ĐT: 0945.691.429	Chuyên chăn nuôi bò giống, bò thịt BBB, dê thịt phục vụ địa bàn huyện Ba Vì và một số khu vực lân cận.
2	Trang trại chăn nuôi Đại diện: Bùi Thị Minh Anh	Xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, Hà Nội ĐT: 0384.357.750	Chuyên chăn nuôi gà thịt phục vụ khu vực huyện Ba Vì và một số khu vực lân cận.
3	Trang trại chăn nuôi Đại diện: Phùng Thị Thanh	Xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội ĐT: 0366.047.927	Chuyên chăn nuôi gà thịt phục vụ khu vực huyện Ba Vì và một số khu vực lân cận.
4	Trang trại chăn nuôi Đại diện: Nguyễn Tiến Dũng	Thôn Nội Xá, xã Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội ĐT: 0987.354.642	Chuyên chăn nuôi lợn giống và lợn thịt thương phẩm phục vụ khu vực huyện Ứng Hòa và một số khu vực lân cận.

NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Đơn vị, người đại diện	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
1	Cơ sở sản xuất mây tre đan Đại diện: Trần Văn Thế	Xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên, Hà Nội ĐT: 0913.302.705	Chuyên cung cấp các sản phẩm mây tre đan với số lượng lớn đảm bảo chất lượng. Thị trường tiêu thụ rộng khắp Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước.
2	Cơ sở sản xuất Chiến Hồng Đại diện: Nguyễn Văn Chiến	Xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, Hà Nội ĐT: 0988.162.494	Chuyên kinh doanh các sản phẩm đồ gỗ khác nhau như cửa, cầu thang... đảm bảo chất lượng. Thị trường tiêu thụ rộng khắp Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước.
3	Cơ sở sản xuất bánh dày Đại diện: Phùng Thị Phương	Xã Phú Phương, huyện Ba Vì, Hà Nội ĐT: 0359.733.087	Chuyên sản xuất bánh dày truyền thống, bánh dày theo đơn đặt hàng phục vụ khu vực huyện Ba Vì và một số khu vực lân cận.
4	Hộ nấu rượu Đại diện: Nguyễn Thanh Hà	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, Hà Nội ĐT: 0976.822.699	Chuyên nấu rượu bằng bánh men theo phương pháp truyền thống phục vụ địa bàn huyện Ba Vì và một số khu vực lân cận.

NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

TT	Đơn vị, người đại diện	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
1	HTX Tiến Đạt Đại diện: Trần Văn Hồng	Bản Yên Thi, xã Lóng Phiêng, huyện Yên châu, tỉnh Sơn La ĐT: 0965.612.614	Chuyên cung cấp quả mận hậu. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
2	Công ty cổ phần Hoa cảnh Cao Nguyên Đại diện: Nguyễn Thanh Tuấn	Xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La ĐT: 0942.747.558	Chuyên cung cấp quả bơ, xoài. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
3	Hộ sản xuất chè Đại diện: Nguyễn Thị Tuyết	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0375.203.608	Chuyên cung cấp chè xanh. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
4	Hộ sản xuất chè Đại diện: Đoàn Thị Mai	Thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0973.640.528	Chuyên cung cấp chè xanh. Sản phẩm đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.